TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2024/DS-ST
Ngày 27-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng.

Ông Trần Văn Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Nhật là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc *"tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Cẩm H1, sinh năm 1986.

Địa chỉ cư trú tại: Khóm X, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Trung H2, sinh năm 1991, trú tại Khóm X, thị trấn C, huyện P, tỉnh C là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 07 tháng 11 năm 2023) (có mặt).

- *Bị đơn*:

1. Ông Trần Hoài B (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Hồng N (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú tại: Khóm Y, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 11 năm 2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 01 tháng 4 năm 2024 của nguyên đơn bà Trần Cẩm H1 và tại phiên người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Hoàng Trung H2 trình bày: Vào ngày 18 tháng 4 năm 2019 bà H1 có cho ông Trần Hoài B vay số tiền

150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) với mức lãi suất hàng tháng là 1,66% trên số tiền gốc, đồng thời theo giấy biên nhận nợ thì ông B cam kết trả tiền lãi và một phần tiền gốc vào ngày 18 hàng tháng. Vào tháng 5/2019 ông B có trả số tiền 5.500.000 đồng đối trừ với 1,66% lãi trên số tiền gốc phần dư là 3.010.000 đồng sẽ được trừ vào tiền gốc, tiền gốc sẽ còn 146.990.000 đồng. Tháng 6/2019 ông B có trả số tiền 5.500.000 đồng đối trừ với 1,66% lãi trên số tiền gốc thì phần dư là 3.060.000 đồng sẽ được trừ vào tiền gốc, tiền gốc sẽ còn 143.930.000 đồng. Tháng 7/2019 ông B có trả số tiền 5.400.000 đồng đối trừ với 1,66% lãi trên số tiền gốc thì phần dư là 3.011.000 đồng sẽ được trừ vào tiền gốc, tiền gốc sẽ còn 140.919.000 đồng. Từ tháng 8/2019 đến nay ông B không thực hiện trả tiền lãi và tiền gốc theo đúng cam kết, ông B không trả tiền gốc cho bà H1 và trả lãi rất nhiều lần với tổng số tiền lãi 56.000.000 đồng. Do ông B vay tiền của bà H1 để phục vụ chung cho cuộc sống gia đình giữa ông Trần Hoài B và bà Nguyễn Hồng N nên ông H2 đại diện cho bà H1 yêu cầu ông Trần Hoài B và bà Nguyễn Hồng N trả cho bà H1 số tiền gốc là 140.919.000 đồng và tiền lãi theo thoả thuận tính từ ngày 18 tháng 7 năm 2019 đến ngày xét xử sơ thẩm trừ số tiền 56.000.000 đồng ông B đã trả lãi cho bà H1.

- Bị đơn ông Trần Hoài B bà Nguyễn Hồng N đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng ông Trần Hoài B, bà Nguyễn Hồng N vắng mặt không lý do và không cung cấp lời khai, chứng cứ về việc khởi kiện của bà Trần Cẩm H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Cẩm H1 khởi kiện yêu cầu ông Trần Hoài B và bà Nguyễn Hồng N trả tiền vay và lãi suất. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Trần Hoài B và bà Nguyễn Hồng N là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Trần Hoài B và bà Nguyễn Hồng N.

[3]. Tại phiên tòa ông Hoàng Trung H2 đại diện cho bà Trần Cẩm H1 yêu cầu ông Trần Hoài B và bà Nguyễn Hồng N trả bà H1 số tiền gốc 140.919.000 đồng và tiền lãi theo thoả thuận tính từ ngày 18 tháng 7 năm 2019 đến ngày xét xử so thẩm trừ số tiền 56.000.000 đồng ông B đã trả lãi cho bà H1. Đối với ông Trần Hoài B và bà Nguyễn Hồng N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để hòa giải xét xử nhưng ông Trần Hoài B, bà Nguyễn Hồng N không cung cấp lời khai cho Tòa án và không có ý kiến đối với yêu cầu của bà H1. Theo giấy biên nhận nợ

tiền ngày 18 tháng 4 năm 2019 do bà H1 cung cấp có chữ ký và chữ viết tên của ông Trần Hoài B thể hiện ông B có vay của bà H1 số tiền 150.000.000 đồng. Do đó, có cơ sở khẳng định ông Trần Hoài B vay của bà H1 số tiền 150.000.000 đồng là thực tế có xảy ra. Sau khi vay tiền ông B đã trả tiền lãi đến ngày 18 tháng 7 năm 2019 và trả tiền gốc 03 lần tổng số tiền 9.081.000 đồng, ông B còn nợ bà H1 số tiền gốc 140.919.000 đồng. Ông B vay tiền của bà H1 trong thời kỳ hôn nhân với bà Nguyễn Hồng N và sử dụng vào nhu cầu thiết yếu của gia đình nên bà H1 yêu cầu bà Nguyễn Hồng N cùng với ông B trả tiền gốc 140.919.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về lãi suất: Lãi suất thỏa thuận giữa bà Trần Cẩm H1 với ông Trần Hoài B mỗi tháng 1,66% phù hợp với khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Lãi tháng là 1,66%, lãi ngày là 0,055%. Tiền lãi được tính từ ngày 18 tháng 7 năm 2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27 tháng 5 năm 2024 là 58 tháng 09 ngày. Như vậy tiền lãi sẽ là (140.919.000đ x 58 tháng x 1,66%) + (140.919.000đ x 09 ngày x 0.055%) = 136.374.362 đồng trừ số tiền lãi đã trả 56.000.000 đồng, số tiền lãi ông B còn phải trả là 80.374.362. Như vậy ông Trần Hoài B, bà Nguyễn Hồng N có nghĩa vụ trả cho bà Trần Cẩm H1 tổng gốc và lãi với số tiền 221.293.362 đồng.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của bà Trần Cẩm H1 được chấp nhận nên bà H1 không phải chịu án phí, bà H1 đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.523.000 đồng được nhận lại. Ông Trần Hoài B và bà Nguyễn Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 11.064.668 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự và áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Cẩm H1. Buộc ông Trần Hoài B và bà Nguyễn Hồng N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Cẩm H1 số tiền 221.293.362 đồng (hai trăm hai mươi mốt triệu hai trăm chín mươi ba ngàn ba trăm sáu mươi hai đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Trần Cẩm H1 không phải chịu án phí, bà H1 đã nộp tiền tạm ứng án phí 3.523.000 đồng (ba triệu năm trăm hai mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003306 ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà Trần Cẩm H1 được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Trần Hoài B và bà Nguyễn Hồng N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.064.668 đồng (mười một triệu không trăm sáu mươi bốn ngàn sáu trăm sáu mươi tám đồng).

Án xử sơ thẩm, bà Trần Cẩm H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Hoài B và bà Nguyễn Hồng N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Triều